

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Vấn tham khảo lớp 9 hay phân tích cảm nhận của em về vẻ đẹp tình đồng chí, đồng đội trong bài thơ Đồng Chí của tác giả Chính Hữu.

Đề bài: Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu).

Bài văn hay nhất phân tích vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng Chí

Chính Hữu là một nhà thơ rất nổi tiếng chuyên viết về đề tài người lính và chiến tranh. Những tác phẩm ông để lại đều được đánh giá rất cao và rất thành công. Trong bài thơ “*Đồng Chí*”, Chính Hữu đã khắc hoạ thành công cái chất hiền lành, tình nghĩa mộc mạc mà dung dị cũng như tình đồng chí, đồng đội ...

Lịch sử nước ta đã đi qua biết bao thăng trầm biến cố. Mỗi lần biến động là mỗi lần dân ta xích gần lại nhau hơn, cùng nhau vì mục đích cao cả chung. Đó là những năm tháng hào hùng, khí thế của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu tranh chống Pháp, chống Mỹ vĩ đại. Giữa những đau thương chiến đấu, cuộc chiến còn góp phần đắp xây nên mối quan hệ giữa những người lính với nhau. Cho nên không có gì khó hiểu khi vào năm 1948, tác phẩm “*Đồng Chí*” của nhà thơ Chính Hữu lại tạo nên một sự bùng nổ, lan truyền rộng khắp trong giới quân đội. Bài thơ ca ngợi tình đồng đội gian khổ, vào sinh ra tử có nhau của các anh bộ đội cụ Hồ, những người nông dân yêu nước đi bộ đội đánh giặc trong những năm đầu gian khổ thời chín năm kháng chiến chống Pháp. Chính bài thơ đã khơi dậy những xúc động mãnh mẽ trong lòng nhiều thế hệ. Chính Hữu đã khắc hoạ thành công cái chất hiền lành, tình nghĩa mộc mạc mà dung dị cũng như tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng cao cả của những người lính nông dân áo vải. Từ mọi miền quê trên dải đất quê hương, những con người xa lạ bỗng đứng lên theo tiếng gọi của Tổ Quốc, cùng hợp lại với nhau, trở thành một con người mới: người lính. Họ là những người nông dân từ những vùng quê lam lũ đói nghèo, quanh năm chỉ biết đến con trâu mảnh ruộng, các anh già từ quê hương lên đường chiến đấu:

“Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

Không hẹn mà nên, các anh đã gặp nhau tại một điểm là tình yêu quê hương đất nước. Từ những người “xa lạ” rồi thành “đôi tri kỉ”, về sau thành “đồng chí”. Câu thơ biến hoá 7, 8 từ rồi rút lại, nén xuống 2 từ cảm xúc vẫn thơ như dồn tụ lại, nén chặt lại. Những ngày đầu đứng dưới lá quân kì: “Anh với tôi đôi người xa lạ - Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”. Đôi bạn gắn bó với nhau bằng bao kỉ niệm đẹp:

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

“Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!”

Ngày cùng chung nhiệm vụ chiến đấu vai kề vai, súng bên súng, chia nhau gian khổ, nguy hiểm, đêm đắp chung một chiếc chăn chịu rét. Đắp chung chăn trở thành biểu tượng của tình thân hữu, ấm cúng ruột thịt. Những cái chung đã biến những con người xa lạ thành đôi tri kỉ. Sự đồng cảnh, đồng cảm và hiểu nhau là cơ sở, là cái gốc để làm nên tình bạn, tình đồng chí.

Tấm lòng của họ đối với đất nước thật cảm động khi giặc đến các anh đã gửi lại người bạn thân mảnh ruộng chưa cày, mặc kệ những gian nhà bị gió cuốn lung lay để ra đi kháng chiến. Bình thường vậy thôi, nhưng nếu không có một tình yêu đất nước sâu nặng không thể có một thái độ ra đi như vậy.

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay”

Họ đứng lên chiến đấu chỉ vì một lẽ giản dị: yêu nước. Tình yêu đất nước, ý thức dân tộc là máu thịt, là cuộc đời họ, bởi vậy, nông dân hay trí thức chỉ mới nghe tiếng đau thương của quê hương, họ sẽ bỏ lại tất cả, cả ruộng nương, xóm làng. Chỉ đến khi ở nơi kháng chiến người lính nông dân áo vải lại trở mình, lòng lại bận tâm lo lắng về mảnh ruộng chưa cày, với căn nhà bị gió lung lay. Nỗi nhớ của các anh là thế: cụ thể nhưng cảm động biết bao. Người lính luôn hiểu rằng nơi quê nhà người mẹ già, người vợ trẻ cùng đám con thơ đang trông ngóng anh trở về:

“Giếng nước gốc đa, nhớ người ra lính.”

Trong những tâm hồn ấy, hấn sự ra đi cũng đơn giản như cuộc đời thường nhật, nhưng thực sự hành động ấy là cả một sự hy sinh cao cả. Cả cuộc đời ông cha gắn với quê hương ruộng vườn, nay lại ra đi cũng như dứt bỏ đi nửa cuộc đời mình.

Sống tình nghĩa, nhân hậu, hay lo toan cũng là phẩm chất cao đẹp của người lính nông dân. Với họ vượt qua gian khổ thiếu thốn của cuộc sống là điều giản dị bình thường, không có gì phi thường cả.

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,

Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!"

Chính Hữu đã khắc hoạ hiện thực khó khăn mà người lính gặp phải. Đối mặt với những khó khăn đó, những người lính không hề một chút sợ hãi, những thử thách giữa nơi rừng thiêng nước độc cứ kéo đến liên miên nhưng người lính vẫn đứng vững, vẫn nở “miệng cười buốt giá”. Đó là hình của sự lạc quan, yêu cuộc sống hay cũng là sự động viên giản dị của những người lính với nhau. Những câu thơ hầu như rất giản dị nhưng lại có sức lay động sâu xa trong lòng người đọc chúng ta. Tuy nhiên từ trong sự bình thường, hình ảnh người lính của Chính Hữu vẫn ánh lên vẻ đẹp rực rỡ của lí tưởng, sẵn sàng hy sinh vì Tổ Quốc, dũng cảm lạc quan trước hiểm nguy kẻ thù rình rập:

“Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.”

Thật là bức tranh đơn sơ, thi vị về người lính trong một đêm chờ giặc tới giữa nơi rừng hoang sương muối. Những người lính kề vai, sát cánh cùng hướng mũi súng vào kẻ thù. Trong cái vắng lặng bát ngát của rừng khuya, trăng bất ngờ xuất hiện chơi vơi lơ lửng nơi đầu súng. Những người lính nông dân giờ đây hiện ra với một tư thế khác hẳn, như những người nghệ sĩ đầy chất thơ, bình dị nhưng vẫn đẹp lạ lùng.

Sẽ là một thiếu sót rất lớn khi lại đề cập quá nhiều đến hình tượng người lính mà lại không nói về tình đồng chí, tình đồng đội của người chiến sĩ trong bài thơ. Tìm hiểu nhau, những người lính hiểu ra họ có cùng chung quê hương vất vả khó nghèo, chung tình giai cấp, chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Chính cái chung ấy như một thứ keo sơn bền vững nối cuộc đời ngừng người lính với nhau để làm nên hai tiếng “đồng chí” xúc động và thiêng liêng.

“Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

Vẻ đẹp tâm hồn nơi người lính không chỉ phát ra từ những hiện thực khó khăn hiểm nguy mà còn phát ra từ vầng ánh sáng lung linh, chính là tình đồng đội. Vượt rừng đầu phải chuyện dễ dàng! Những căn bệnh quái ác, những đêm tối lạnh buốt xương, những thiếu thốn vật chất của đoàn quân mới được gây dựng vội vã. Nhưng những người lính đã

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

cùng nhau vượt qua. Họ lo cho nhau từng cơn sốt, từng miếng áo rách, quần vá. Với họ quan tâm tới những người đồng đội giờ đây cũng như là quan tâm chăm sóc cho chính mình. Ôi ấm áp biết mấy là cái xiết tay của đồng đội lúc gian khó. Cái xiết tay truyền đi hơi ấm, sức mạnh cho ý chí con người. Và cùng nhau, giúp đỡ nhau, những người lính vượt qua với tư thế ngẩng cao đầu trước mọi thử thách, gian nan.

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,

Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!"

Cái khốn khó, gian truân hãy còn dài trên bước đường kháng chiến dân tộc. Nhưng dường như trước mắt những con người này, mọi thứ không còn hiểm nguy. Trong đêm trăng vắng lặng, bát ngát giữa rừng hoang sương muối, những người lính vẫn kề vai, sát cánh cùng hướng mũi súng về phía kẻ thù.

"Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"

Sức mạnh của sự tin tưởng lẫn nhau, của sự quan tâm tới nhau giữa những người lính đã làm vững chắc thêm tình đồng đội trong họ. Bởi họ biết rằng khi cùng nhau thấp lên tình đồng chí vững bền, sức mạnh chung nhất sẽ là sức mạnh mạnh nhất. Mục đích chiến đấu vì quê hương, vì Tổ Quốc của họ sẽ càng mau chóng đạt được. Khi ý chí và mục đích hợp chung con đường, thì tình cảm giữa họ càng thấm thiết, sâu đậm. Đó là tình đồng chí giữa những người lính ...

Không chỉ dừng ở cung bậc tình cảm giữa những người lính, bài thơ "**Đồng Chí**" còn mang ta đến chi tiết lãng mạn cao hơn ở cuối bài:

"Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo."

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Người lính không cô đơn lạnh lẽo vì bên anh đã có đồng đội và cây súng, là những người bạn tin cậy nhất, tình đồng chí đã sưởi ấm lòng anh. Người chiến sĩ toàn tâm toàn ý hường theo mũi súng. Chính lúc ấy, các anh bắt gặp một hiện tượng kì lạ.

“Đầu súng trăng treo.”

Nét sáng tạo độc đáo thể hiện bản lĩnh nghệ thuật của của Chính Hữu qua bài thơ chính là hình ảnh này. Từ tình đồng chí, trải qua những thử thách khác nhau, Chính Hữu đã tạo nên cái nhìn đầy chất thơ. Nếu hai câu thơ trên không kết hợp với hình ảnh “đầu súng trăng treo” thì nó khó có những giá trị đặc sắc. Ngược lại, nếu không có sự nâng đỡ của hai câu thơ đó thì hình ảnh sẽ bị coi là thi vị hoá cuộc sống chiến đấu người lính. Sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa hiện thực và chất thơ lãng mạn, bay bổng đã làm cho “đầu súng trăng treo” trở thành một trong những hình ảnh đẹp nhất thơ ca kháng chiến chống Pháp. Câu thơ chỉ vắn vẹn bốn từ nhưng nó bao hàm cả cái tình, cái ý và đặc biệt là sự cảm nhận tinh tế của Chính Hữu. Nhờ sự liên tưởng thông minh tài tình, tâm hồn giàu cảm xúc, Chính Hữu đã gợi lên một không gian bát ngát giữa vũ trụ bao la, nó có cái gì đó rất bông bênh, huyền bí, khó tả. Hình ảnh đó gây được ấn tượng thẩm mĩ sâu sắc với người đọc. Đồng thời, nó trở thành hình tượng đa nghĩa độc đáo của thi ca. “Đầu súng trăng treo” được xây dựng bằng bút pháp siêu thực, đầy chất thơ. Tại sao vậy? Chúng ta thực sự đánh giá cao không gian nghệ thuật hiện thực của “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá” và đặc biệt là không gian “rừng hoang sương muối”; nó đã góp phần tô đẹp thêm hình tượng vàng trắng, cây súng. Hai hình ảnh này đối lập nhau rất rõ. Một bên là vàng trắng muôn thuở hấp dẫn và kì lạ, thanh bình với thi ca. Nó biểu tượng cho cuộc sống tươi đẹp, hoà bình, hạnh phúc của nhân loại, đồng thời cũng là ước mơ cuộc sống tươi đẹp hoà bình hạnh phúc. Nhưng trăng ở đây lại được đặt trong mối quan hệ với súng. Một bên là súng, súng biểu tượng cho chiến tranh và cái chết nhưng súng cũng trở thành lí tưởng cao đẹp, tinh thần chiến đấu vì cuộc sống hoà bình dân tộc của người chiến sĩ. Trăng là vẻ đẹp lãng mạn, súng là hiện thực. Tuy đối lập, nhưng hai hình tượng này đã tôn thêm vẻ đẹp cho nhau, tạo nên vẻ đẹp hoàn mĩ nhất. Không phải ngẫu nhiên khi Chính Hữu đưa hai hình ảnh ngược nhau trong một câu thơ. Qua đó ông muốn khẳng định cái khát vọng về một cuộc sống yên lành đầy chất thơ: để cho vàng trắng kia sáng mãi, trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, mọi người phải cầm súng chiến đấu. Có thể nói, hình ảnh “Đầu súng trăng treo” là một phát hiện thú vị, mới lạ độc đáo của Chính Hữu. Chính Hữu đã sử dụng bút pháp hiện thực để tạo nên hình ảnh thơ vừa hiện thực vừa lãng mạn. Trăng và súng kết thành một không gian thơ trữ tình, là biểu tượng cho tinh thần dũng cảm, hào hoa muôn thuở của dân tộc nói chung và người lính nói riêng.

Bài thơ đã kết thúc nhưng nó sẽ còn sống mãi chừng nào con người chưa mất đi bản năng của chính mình: sự rung động. Quả thật văn chương đã tạo ra cho mình một thế đứng riêng còn mạnh hơn lịch sử. Cùng tái hiện lại một thời đau thương nhưng vĩ đại và hình tượng người chiến sĩ nhưng văn chương đã đến với người đọc theo con đường của trái tim, gây nên những xung động thẩm mĩ trong tâm hồn con người, làm thành sự xúc cảm tận đáy tâm hồn và những ấn tượng không thể nào quên. Đó là những năm đau

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

thương chứng kiến những con người cao cả kiên cường, những người lính dũng cảm bất khuất. Họ không khô khan mà bầu nhiệt huyết nung nấu, tràn đầy lòng hy sinh, với tình đồng đội trong sáng, thân ái. Chính những điều đó làm bài thơ “**Đồng Chí**” trên những trang giấy vẫn có lúc được lật lại, vẫn nhỏ từng giọt ngân vang, tưởng đến những con người thần kì mà bình dị với niềm tự hào kiêu hãnh, cho nay và mai sau mãi nhớ về.

Một số bài mẫu tuyển chọn qua các kì thi trình bày cảm nhận về tình đồng chí đạt điểm cao

Bài số 1:

Người lính nông dân, như một lẽ tự nhiên đã đi vào biết bao bài thơ trong văn học Việt Nam. Hình ảnh của họ hiện lên thật giản dị, gần gũi như *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Cá nước* của Tố Hữu,... và cũng nằm trong mạch chung ấy, ta không thể không nhắc đến *Đồng chí* của Chính Hữu. Bài thơ là bài ca ca ngợi tình cảm đồng chí, đồng đội tha thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

Cũng như biết bao bài thơ viết về người lính nông dân khác, đọc câu thơ ta cảm nhận được sự lo toan vất vả, cuộc sống còn nghèo khó, nhọc nhằn của họ:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Họ thuộc mọi miền tổ quốc quy tụ về đây, người là vùng đồng bằng nước mặn đồng chua, người vùng trung du đất cày lên sỏi đá, dù ở miền quê nào cũng đều hiện lên sự khó khăn, cực nhọc. Nhưng ở họ đều có một điểm chung ấy là lên đường chiến đấu để bảo vệ quê hương đất nước. Từ anh với tôi đến câu thơ thứ ba đã có bước chuyển hóa mạnh mẽ thành đôi người. Không phải là hai mà là đôi, cho thấy giữa họ đã bắt đầu có sự gắn bó với nhau. Họ cùng nhau về đây, tự nguyện bên với nhau: "*Súng bên súng đầu sát bên đầu/ Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*". Họ không chỉ kề vai sát cánh bên nhau trong chiến đấu, trong lí tưởng mà họ còn bên nhau trong những khó khăn, gian khổ của cuộc đời chiến đấu. Cái giá lạnh của núi rừng Việt Bắc có thể làm lạnh cơ thể họ, nhưng nó lại khiến cho tình cảm của những người lính trở nên ấm áp, nồng đậm hơn. Câu thơ nói về cái rét, cái lạnh mà tuyệt nhiên người đọc không thấy hơi lạnh thấu xương, chỉ thấy một cảm giác ấm áp của tình người, của tình đồng đội, san sẻ với nhau những khó khăn. Hai chữ tri kỉ thật thiêng liêng, thật đáng trân trọng, họ không còn dừng lại ở đôi bạn như thuở ban đầu mới gặp, mà trải qua những gian lao, chia sẻ với nhau mọi điều họ đã là đôi tri kỉ, thấu hiểu nhau như hiểu chính mình. Câu thơ thứ bảy: *Đồng chí*, vang lên là kết tinh đẹp đẽ nhất của thứ tình cảm thiêng liêng đó. Nếu không kể nhan đề thì đây là lần duy nhất từ này xuất hiện trong bài thơ, câu thơ có vị trí quan trọng, bản lề khép mở hai

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

mạch thơ chính của cả bài. Sáu câu thơ đầu là nền tảng, là cơ sở để đến đây được nâng lên thành một tình cảm mới mẻ, sâu sắc: tình đồng chí. Đồng chí ở đây không chỉ là những người gần bó, yêu thương, quan tâm nhau mà họ còn có chung một mục đích, lý tưởng, ý chí phấn đấu. Bởi vậy hai tiếng đồng chí càng trở nên cao quý, đáng trân trọng hơn.

Ở những câu thơ tiếp theo, tình cảm đồng chí, đồng đội được khắc họa cụ thể, rõ nét hơn. Họ - những người con của quê hương, dù mang trong mình ý chí quyết tâm, thái độ dứt khoát mặc kệ tất cả, gửi lại gia đình, ruộng nương để lên đường chiến đấu nhưng trong lòng họ vẫn không thôi khắc khoải, nhớ nhung về gia đình. Những hình ảnh giếng nước, gốc đa là những hình ảnh gần gũi, thân thương nhất với họ, bởi vậy họ luôn nhớ về chúng. Nỗi nhớ ấy cũng chính là nỗi nhớ về gia đình, về người cha, người mẹ đang ở nhà ngày ngày mong ngóng con. Trong cùng một hoàn cảnh, nên những người lính có sự đồng cảm sâu sắc với nhau. Họ cảm thông, thấu hiểu bằng tình cảm chân thành.

Hình ảnh quê nhà, cùng với sự thấu hiểu, cảm thông giữa những người đồng đội là nguồn năng lượng cổ vũ động viên họ vượt qua mọi khó khăn, thử thách:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Câu thơ đã một lần nữa khắc họa hiện thực chiến tranh gian khổ, khốc liệt mà không ít chiến sĩ đã phải bỏ mạng nơi đất khách quê người. Họ thiếu thốn đủ thứ về vật chất: không giày, áo rách, quần vá. Nhưng họ có thể vượt lên tất cả hiện thực tàn khốc ấy bằng cái nắm tay nồng ấm, nó giống như cái bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi của những người lính lái xe trong thơ Phạm Tiến Duật. Chỉ cái bắt tay thôi mà mang lại sức mạnh to lớn cho những người chiến sĩ, để họ vững lòng tin, chắc tay súng bảo vệ tổ quốc:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Ba câu thơ cuối có thể coi là bức tranh đồng chí, đồng đội đẹp đẽ nhất về người lính. Trên nền hiện thực khốc liệt, hoang vu lạnh lẽo, những người lính bình tĩnh, chủ động, hiên ngang, nắm chắc cây súng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Câu thơ cuối cùng là một hình ảnh thơ thật đẹp đẽ, lãng mạn, nó là biểu tượng cho người lính vừa anh dũng, kiên cường nhưng vẫn có nét thi sĩ, trữ tình, một tâm hồn đầy mơ mộng giữa hiện thực chiến tranh tàn khốc. Đây cũng là vẻ đẹp trữ tình mới mẻ, đặc sắc của thơ ca thời kì kháng chiến đã được Chính Hữu vận dụng tài tình qua hình ảnh trăng và súng mà không hề bó hẹp, khiên cưỡng.

Cả bài thơ toát lên hình ảnh của anh bộ đội cụ Hồ thật giản dị, chân thật. Người đọc còn có thể cảm nhận thấy tình cảm đồng đội gắn bó sâu nặng giữa những người đồng chí, đồng đội ấy. Chính tình đồng chí, sự cảm thông, thấu hiểu với nhau là động lực giúp họ vượt lên hoàn cảnh hiện thực khắc nghiệt. Kết hợp với ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi, hàm súc, tất cả các yếu tố đó đã gây nên sức ám ảnh sâu đậm trong lòng người đọc.

Bài số 2:

Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong quân đội. Thơ ông tuy không nhiều nhưng thường viết về người lính và chiến tranh với nhiều cảm xúc dồn nén, vừa bình dị, vừa thiết tha. Một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là bài thơ “*Đồng chí*”. Bài thơ mang vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội giản dị, mộc mạc mà sâu sắc của những người lính cách mạng trong những tháng ngày kháng chiến gian lao. Đứng trong hàng ngũ cách mạng, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, người lính vượt lên trên mọi gian khổ bằng sự sẻ chia, tinh thần đoàn kết. Họ sống trong tình đồng chí, đồng đội cao đẹp, nhờ đồng đội, vì đồng đội...

Mở đầu bài thơ, ta bắt gặp lời giới thiệu mộc mạc như những lời chào hỏi, hỏi thăm, làm quen nhau trong buổi đầu gặp gỡ:

“Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo, đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.”

Những người đồng đội ấy thường là những người nông dân mặc áo lính, điếm giống nhau về cảnh ngộ xuất thân giúp họ có thể dễ dàng gần gũi, đồng cảm với nhau. “Anh và tôi” từ những vùng quê khác nhau, chỉ giống nhau bởi cái nghèo khó của đất đai, đồng ruộng. Anh từ miền quê ven biển “nước mặn đồng chua”, tôi ở vùng đất cao “đất cày lên

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian nan, vất vả. Mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung ra những làng quê nghèo khó, nơi sinh ra những người lính dũng cảm. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn rất xa lạ. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân, tương ái vốn có từ lâu giữa những người lao động. Nhưng họ quen nhau không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà họ quen nhau để đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lý tưởng chung, cùng một mục đích cao cả là chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh *anh – tôi* riêng biệt đã mờ nhòa, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lý tưởng chiến đấu:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí”

Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí. Tình cảm ấy đã nảy nở bền chặt trong sự chan hòa, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, niềm hạnh phúc. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: *“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”*. Chính trong những ngày khó khăn, thiếu thốn ấy, từ “xa lạ” mà họ đã trở thành “tri kỉ” của nhau. Sự vất vả, nguy nan đã gắn kết những người đồng chí, khiến họ trở thành những người bạn tâm giao, gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chất lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính đầy gian khổ, để rồi bao nhiêu yêu thương đã được thể hiện hết qua những hình ảnh vừa gần gũi, vừa tình cảm hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng của tình cảm triu mến, yêu thương với đồng đội.

Từ trong thâm tâm họ, bỗng bật thốt lên hai từ “đồng chí” thật ngắn gọn mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình đồng chí, đồng đội. Tình cảm ấy phải trải qua bao khó khăn, thử thách, được tôi luyện trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. “Anh” và “tôi” đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp, có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lý tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí”, họ không chỉ còn là những người nông dân nghèo đói, lam lũ mà họ đã trở thành anh em

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

trong cả một cộng đồng với một lí tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên chiến thắng cho dân tộc. Câu thơ vẹn vẹn có hai chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo.

Bằng việc sử dụng cấu trúc sóng đôi, đối xứng “quê anh” – “làng tôi”, thành ngữ “nước mặn đồng chua”, “đất cày nên sỏi đá”, hình ảnh thực mang nhiều ý nghĩa biểu tượng, bảy câu thơ đầu đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân, về lí tưởng cao đẹp, về nhiệm vụ chiến đấu. Chính những sự tương đồng ấy đã trở thành niềm đồng cảm, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

Không chỉ dừng lại ở tình đồng chí, đồng đội với những cơ sở tạo nên nó mà tác giả còn nói về sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của cuộc đời người lính.

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính”

Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ. “Ruộng nương” gửi tạm cho “bạn thân cày”, “gian nhà không” để “mặc kệ gió lung lay”. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những toan tính riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được sự kiên quyết, dứt khoát, mạnh mẽ của người lính. Song dù dứt khoát, kiên quyết đến vậy nhưng người lính vẫn luôn nặng lòng với quê hương bởi đó là nơi sinh ra, nuôi dưỡng tâm hồn họ - những người lính nông dân thật thà, chất phác. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa: “Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính” càng tô đậm sự gắn bó, yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình.

Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thật thân thương, chan chứa tình quê hương với bao nỗi nhớ thương vui đầy. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa làm nổi bật thêm tâm tư, nỗi nhớ nhung của những người đồng chí. Nhắc tới nỗi nhớ da diết ấy, Chính Hữu đã nói đến sự hy sinh không mấy dễ dàng của người lính. Dù vậy nhưng họ vẫn luôn thấu hiểu và chia sẻ cho nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương, bởi sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính.

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá. Tất cả những khó khăn, gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức chân thực, không một chút tô vẽ bởi trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội cụ Hồ mới được thành lập thiếu thốn đủ bề, khó khăn trăm đường. Nhưng dù có khó khăn như vậy mà họ vẫn giữ vững ý chí, quyết tâm cùng với bản lĩnh vững vàng để canh gác, chiến đấu vì Tổ quốc thân yêu của mình.

Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã làm ấm lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu ấy không ồn ào nhưng lại thâm thía. Cái nắm tay ấy cũng giống như những cái bắt tay qua cửa kính vỡ của những chàng trai thuộc tiểu đội xe không kính trong thời kì chống Mỹ. Tuy chỉ là một cái nắm tay, bắt tay bé nhỏ thôi nhưng nó lại ẩn chứa một biểu tượng thiêng liêng. Cái nắm tay ấy đã truyền cho những người lính niềm tin, sức mạnh để vượt qua tất cả. Nhà thơ đã phát hiện rất tinh tường cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau, đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đối thiêng liêng này.

Đến với ba câu thơ cuối, ta bắt gặp được một bức tranh đẹp đẽ về tình đồng chí:

“Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo”

Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc trong một không gian âm u, hoang vắng và lạnh lẽo: “rừng hoang sương muối”. Không chỉ cái gió, cái rét cứ đeo đuổi họ mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ. Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”, cái nơi mà sự sống với cái chết chỉ đến trong gang tấc. Từ “chờ” ở đây cũng đã nói rõ lên cái tư thế hiên ngang, tự tin, sẵn sàng, chủ động đánh giặc của họ. Và khi đó, tầm vóc của những người chiến sĩ ấy càng trở nên lớn lao hơn.

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở một vị trí nào đấy, vàng trắng như được treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Tình cảm đồng chí ấm áp, thiêng liêng đã mang đến cho người lính nét lãng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “đầu súng trăng treo”. Trong hoàn cảnh hết ức gian khổ, khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của vàng trắng. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gọi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của hòa bình. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là một cặp tô đậm vẻ đẹp của những đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và niềm tin chiến thắng. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ, góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc. Đây cũng là minh chứng cho bút pháp tả thực và bút pháp lãng mạn của Chính Hữu.

Như vậy, tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở là tình yêu quê hương, đất nước, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt đã tôi luyện, thử thách làm cho tình đồng chí, đồng đội của người lính ngày càng bền chặt. Tình cảm thiêng liêng ấy đã giúp cho những người chiến sĩ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của cuộc đời người lính, làm điểm tựa để tạo nên chiến thắng hào hùng cho dân tộc.

Bằng việc sử dụng thành ngữ, cấu trúc, hình ảnh sóng đôi giàu tính biểu tượng, hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa, bút pháp hiện thực và bút pháp lãng mạn, “*Đồng chí*” đã làm hiện và nổi bật lên tình đồng chí cao đẹp vừa giản dị lại vừa thiêng liêng, thơ mộng của những người lính cụ Hồ. Qua đây cũng thể hiện sự xuất sắc của Chính Hữu khi viết về đề tài người lính và chiến tranh.

Bài số 3:

Chính Hữu là người lính và cũng là nhà thơ của lính. Thơ ông không nhiều song ấn tượng bởi lời thơ hàm súc, ngôn ngữ, hình ảnh chân thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng. “*Đồng chí*” là tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ. Bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí của những người lính cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ “*Đồng chí*” được Chính Hữu viết năm 1948 trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ, khó khăn. Sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, Chính Hữu bị ốm nặng phải nằm lại tại một trạm quân y, đơn vị đã cử người ở lại chăm sóc. Cảm động

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

trước tâm lòng tình cảm của người đồng đội, Chính Hữu đã viết lên bài thơ. Bài thơ đã khắc họa hình tượng người lính cách mạng từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội keo sơn, gắn bó của họ.

Trước hết vẻ đẹp của tình đồng chí được thể hiện ở cơ sở hình thành lên tình đồng chí. Cơ sở đầu tiên hình thành nên tình đồng chí là cùng chung cảnh ngộ xuất thân - đều là những người nông dân mặc áo lính:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

Lời thơ tự nhiên như lời kể của người lính về quê hương: anh đi lên từ vùng đồng bằng chiêm trũng "nước mặn đồng chua", tôi đi ra từ vùng "đất cày lên sỏi đá" - vùng trung du miền núi. Quê anh, làng tôi - hai vùng quê cách xa nhau nhưng đều chung nhau cái nghèo khó, lam lũ. Việc sử dụng sáng tạo những thành ngữ tục ngữ đã tạo cho lời thơ mộc mạc tự nhiên như tâm hồn người trai cày nói về quê hương mình. Như vậy, những người lính đều ra đi từ những làng quê nghèo khó, họ đều là những người nông dân mặc áo lính. Chính sự đồng cảnh, đồng giai cấp đã tạo cơ sở ban đầu vững chắc để hình thành lên tình đồng chí.

Cơ sở thứ hai hình thành lên tình đồng chí là cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng. Anh với tôi từ bốn phương trời xa lạ chẳng hẹn mà cùng tụ hội về đây trong quân ngũ của lá cờ cách mạng bởi: "Súng bên súng đầu sát bên đầu". Câu thơ có hình ảnh chân thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng: "súng bên súng" là cùng chung nhiệm vụ cầm súng chiến đấu. "Đầu sát bên đầu" là cùng chung chí hướng, lý tưởng ra đi theo tiếng gọi của Tổ quốc quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc. Cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng đã gắn kết anh tôi với nhau.

Tình đồng chí còn được hình thành từ sự chia sẻ gắn bó trong gian khổ khó khăn:

"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ"

Câu thơ đầy ắp kỷ niệm của một thời gian khổ khó khăn: những đêm đông lạnh giá chăn không đủ đắp, họ phải chung nhau mảnh chăn mỏng. Tắm chăn sui khép lại đêm đông lạnh giá nhưng mở ra sự gắn bó hiểu nhau như tri kỷ. Cấu trúc anh tôi sống đôi khi ở hai câu thơ khi gộp làm một đã diễn tả quá trình từ xa lạ, quen nhau rồi thành tri kỷ và kết thành: "Đồng chí". Câu thơ thứ bảy chỉ với hai tiếng và dấu chấm than vang lên như một nốt nhấn thể hiện sự phát hiện về một thứ tình cảm bình dị mà thiêng liêng, mới mẻ của những người lính cách mạng: đồng chí. Câu thơ như bản lề của bài thơ vừa khái quát cảm xúc ở sáu câu thơ đầu, vừa mở ra những biểu hiện ở những dòng thơ tiếp theo. Đồng thời làm nổi bật một quy luật tất yếu: cùng chung cảnh ngộ xuất thân, cùng nhiệm vụ lý tưởng, cùng chia sẻ gắn bó thì sẽ trở thành đồng chí của nhau.

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Vẻ đẹp của tình đồng chí còn được thể hiện ở những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí. Biểu hiện đầu tiên của tình đồng chí là họ thấu hiểu tâm tư, nỗi lòng của nhau:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính."

Những người lính ra đi để lại sau lưng tất cả những gì thân thuộc nhất: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa. Từ "mặc kệ" đã thể hiện thái độ dứt khoát quyết chí ra đi vì nghĩa lớn. Mặc kệ mà không hề dừng dưng vô tình: họ ra đi nhưng từ trong sâu thẳm người lính vẫn nhớ về quê hương, họ vẫn biết nơi quê nhà ruộng nương vẫn chờ tay người cày xới, gian nhà lung lay trong gió chờ người sửa sang, nơi giếng nước gốc đa có ánh mắt người thân trông ngóng. Đặc biệt hình ảnh nhân hóa ẩn dụ "*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*" đã thể hiện quê hương vẫn nhớ người trai cày ra trận hay người ra trận vẫn nhớ về quê hương. Nỗi nhớ hai chiều càng trở nên da diết. Trong đoạn thơ cấu trúc "anh - tôi" sóng đôi giờ chỉ còn lại anh: nỗi nhớ quê hương trong lòng anh được tôi nói hộ. Tôi nói cho anh hay đó cũng chính là nỗi nhớ quê hương của tôi. Những người lính họ thấu hiểu tâm tư nỗi lòng của nhau.

Tình đồng chí còn được thể hiện ở sự chia sẻ gắn bó trong gian khổ khó khăn của cuộc đời người lính. Anh với tôi cũng chịu những cơn sốt rét từng hành hạ:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi."

Cơn sốt rét từng đã trở thành căn bệnh phổ biến với những người lính trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ăn uống kham khổ, thiếu thốn thuốc men. Chính Hữu đã gọi tả một cách chân thực: "biết ớn lạnh", "sốt run người vầng trán ướt mồ hôi". Anh với tôi cùng chịu cảnh thiếu thốn:

"Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Chân không giày"

Chính Hữu đã đưa vào trong lời thơ những hình ảnh chân thực về cuộc sống chiến đấu của người lính cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp thiếu thốn đủ bề từ lương thực đến tư trang. Để từ đó người đọc có cái nhìn sâu sắc hơn về anh bộ đội. Cấu trúc "anh - tôi" lại sóng đôi như khẳng định trong gian khổ khó khăn đều có anh có tôi cùng chia sẻ gắn bó.

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

Trong gian khổ khó khăn người lính cách mạng hiện lên vẫn hiên ngang, lạc quan. Trong gian khổ khó khăn họ vẫn nở nụ cười - nụ cười lạc quan ấm áp xua tan cái giá buốt. Đặc biệt là hình ảnh "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" rất tự nhiên, chân thực nhưng đã thể hiện sâu sắc cảm động tình đồng chí của người lính cách mạng. Họ nắm lấy tay nhau như để động viên nhau, như để truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh của tình đồng chí để cùng nhau chắc tay súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Phải chăng tình đồng chí vừa là vẻ đẹp vừa là cội nguồn sức mạnh của người lính cách mạng?

Không những thế vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ còn được thể hiện ở biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí. Với bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn ba câu thơ cuối đã gợi lên bức tranh cảnh đêm khuya thật đẹp:

"Đêm nay rừng hoang sương muối"

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"

Trên nền hiện thực khắc nghiệt: đêm khuya, nơi "rừng hoang sương muối" giá buốt, người lính hiện lên với tư thế chủ động hiên ngang "đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới". Chính tư thế thành đồng vách sắt ấy đã làm lu mờ đi mọi gian khổ khó khăn. Phải chăng chính tình đồng chí đã làm lên vẻ đẹp ấy của người lính? Hình ảnh người lính được kết đọng lại qua chi tiết bất ngờ, độc đáo:

"Đầu súng trăng treo"

"Đầu súng trăng treo" được Chính Hữu nhận ra từ chính những đêm hành quân phục kích chờ giặc của mình và đồng đội. Giữa mênh mông bát ngát của rừng khuya, người lính chắc tay súng canh gác, mũi súng hướng lên trời. Trăng lơ lửng giữa không trung, càng về khuya trăng xuống thấp dần, đến một mức độ nào đó nhìn lên trăng như treo trên đầu ngọn súng. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" còn gợi bao liên tưởng thú vị cho người đọc: "súng" là biểu tượng của chiến tranh, của hiện thực, của chất chiến sĩ; "trăng" là biểu tượng của hòa bình, của lãng mạn, của chất thi sĩ. Sự kết hợp của hai hình ảnh tưởng chừng như đối lập nhau mà lại hài hòa bổ sung cho nhau để cùng nói về các mặt của người lính và tình đồng chí: vừa chiến sĩ mà lại rất thi sĩ, vừa hiện thực mà lại lãng mạn. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" còn nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc kháng chiến: người lính cầm súng chiến đấu bảo vệ hòa bình cho quê hương, đất nước. Nhịp thơ 2/2 như gợi nhịp lắc của cái gì lơ lửng chung chông giữa bát ngát mênh mông chứ không thể buộc chặt. Giữa hiện thực khắc nghiệt nhưng tâm hồn người lính vẫn lãng mạn, bay bổng bởi trong lòng họ có tình đồng chí ấm áp. Chính vì vậy "Đầu súng trăng treo" đã trở thành biểu tượng của người lính cách mạng trong văn học kháng chiến và được Chính Hữu chọn làm nhan đề cho tập thơ nổi tiếng của ông.

Bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp tình đồng chí qua những nét nghệ thuật đặc sắc. Đó là thể thơ tự do phù hợp với cảm xúc tự nhiên dồn nén của bài thơ. Ngôn ngữ hình ảnh chân

Cảm nhận về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ Đồng chí

thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng. Cấu trúc "anh - tôi" sóng đôi đã góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề tác phẩm. Bài thơ còn sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ,... Với những nét đặc sắc nghệ thuật ấy, bài thơ đã ca ngợi tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó của người lính cách mạng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã thể hiện sự gắn bó, am hiểu sâu sắc và tấm lòng trân trọng yêu thương đồng đội của nhà thơ. Cùng với các tác phẩm khác như "*Tây Tiến*" của Quang Dũng, "*Nhớ*" của Hồng Nguyên,... "*Đồng Chí*" của Chính Hữu đã góp phần làm phong phú hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trong thơ ca hiện đại. Bài thơ đã mở ra một hướng đi mới cho văn học kháng chiến viết về người lính cách mạng: cảm hứng thơ đi lên từ hiện thực đời thường mà vẫn đậm đà lãng mạn.

Với bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn, ngôn ngữ, hình ảnh chân thực giàu sức gợi, bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí của những người lính cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã đem đến cho người đọc cảm nhận chân thực về người lính cách mạng trong những năm kháng chiến chống Pháp. Chính vì vậy bài thơ có sức sống mãi trong lòng người đọc.

» Tham khảo thêm:

- [Phân tích hình ảnh người lính trong bài Đồng chí \(Chính Hữu\)](#)
- Tuyển tập [Văn mẫu hay lớp 9](#) chọn lọc qua các kì thi